

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 10 tháng 5 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 16/2022/TLST- DS ngày 27 tháng 01 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

Địa chỉ trụ sở: Số 02 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn Thành – Chức vụ: Tổng Giám Đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lý Đắc Toàn, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Trường An T T H.

Ông Lý Đắc Toàn ủy quyền lại cho ông Nguyễn Văn Vũ Long, chức vụ: Phó Giám Đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Trường An T T H; Địa chỉ: 88 Nguyễn Huệ, phường Vĩnh Ninh, Thành phố H, tỉnh T T H.

Bị đơn: Bà Trương Thị Quỳnh H, sinh năm 1955.

Địa chỉ: 14/44 Trần Phú, phường Phước Vĩnh, Thành phố H, tỉnh T T H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Hữu H

Địa chỉ: 14/44 Trần Phú, phường Phước Vĩnh, Thành phố H, tỉnh T T H
(Theo Giấy ủy quyền số 109, quyền số: 01 – SCT/CK, ĐC ngày 21/3/2022 có chứng thực của Ủy ban nhân dân phường Phước Vĩnh, Thành phố H).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Hồ Hữu H, sinh năm 1947.

Địa chỉ: 14/44 Trần Phú, phường Phước Vĩnh, Thành phố H, tỉnh T T H.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Hồ Hữu H, bà Trương Thị Quỳnh H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 4011-LAV-201700702 ngày 20/12/2017, Hợp đồng tín dụng số 4011-LAV-201700707 ngày 22/12/2017, Hợp đồng tín dụng số 4011-LAV-201800893 ngày 26/12/2018 với số tiền 1.024.999.000 đồng (trong đó nợ gốc là 868.927.000 đồng, nợ lãi là: 156.072.000 đồng). Cụ thể như sau:

Đối với Hợp đồng tín dụng số 4011-LAV-201700702 ngày 20/12/2017, nợ gốc là: 100.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 16.628.000 đồng, nợ lãi quá hạn: 1.005.000 đồng.

Đối với Hợp đồng tín dụng số 4011-LAV-201700707 ngày 22/12/2017, nợ gốc là: 688.927.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 114.551.000 đồng, nợ lãi quá hạn: 10.202.000 đồng.

Đối với Hợp đồng tín dụng số 4011-LAV-201800893 ngày 26/12/2018, nợ gốc là: 80.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 13.302.000 đồng, nợ lãi quá hạn: 384.000 đồng.

2.2. Về phương án trả nợ:

Ông Hồ Hữu H, bà Trương Thị Quỳnh H cam kết trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày 10/5/2022 đến 10/8/2022 sẽ trả hết số tiền 1.024.999.000 đồng (trong đó nợ gốc là 868.927.000 đồng, nợ lãi là: 156.072.000 đồng) theo 03 hợp đồng tín dụng: Hợp đồng tín dụng số 4011-LAV-201700702 ngày 20/12/2017, Hợp đồng tín dụng số 4011-LAV-201700707 ngày 22/12/2017, Hợp đồng tín dụng số 4011-LAV-201800893 ngày 26/12/2018 cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

Kể từ ngày 11/5/2022 cho đến khi thi hành án xong, ông Hồ Hữu H, bà Trương Thị Quỳnh H còn phải tiếp tục chịu một khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng đã ký kết.

2.3. Về xử lý tài sản thế chấp:

Trong trường hợp bà Trương Thị Quỳnh H và ông Hồ hữu H không trả toàn bộ số nợ nêu trên theo cam kết hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là:

- Xe ô tô nhãn hiệu HONDA, số loại CIVIC, màu sơn: Ghi – Bạc, số khung 23BY-100112, số máy R18A1- 9300114 mang biển kiểm soát 75A-004.62 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 004539 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh T T H cấp ngày 22/6/2011 đứng tên bà Trương Thị Quỳnh H (Tài sản này đã được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 4011-LCL-201700290 ngày 20/12/2017 và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm vào ngày 20/12/2017). Tài sản này đảm bảo cho Hợp đồng tín dụng số 4011-LAV-201700702 ngày 20/12/2017.

- Nhà và đất tại thửa đất số 126, tờ bản đồ số 8, địa chỉ 14/44 Trần Phú,

phường Phước Vĩnh, Thành phố H, diện tích 69,0 m² theo Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số BL 768875 do Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp ngày 16/5/2013, đứng tên ông Hồ Hữu H và bà Trương Thị Quỳnh H (Tài sản này đã được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 4011-LCL-201700292 ngày 22/12/2017 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số 4011-LCL-201700292 ngày 22/12/2017 vào ngày 25/12/2018). Tài sản này đảm bảo cho Hợp đồng tín dụng số 4011-LAV-201700707 ngày 22/12/2017 và Hợp đồng tín dụng số 4011-LAV-201800893 ngày 26/12/2018.

Trong trường hợp số tiền xử lý tài sản thế chấp vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam thì ông Hồ Hữu H và bà Trương Thị Quỳnh H còn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ.

2.4. Về chi phí tố tụng:

Ngân hàng tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đã nộp đủ.

2.5. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm được tính như sau: 1.024.999.000 đồng = 36.000.000 đồng + 3% phần vượt quá 800.000.000 đồng, tức là 36.000.000 đồng + 6.749.970 đồng = 42.749.970 đồng.

Do vụ án hòa giải thành nên án phí các bên đương sự phải chịu là 42.749.970 đồng x $\frac{1}{2}$ = 21.374.985 đồng. Tức mỗi bên đương sự phải chịu số tiền án phí là: 21.374.985 đồng x $\frac{1}{2}$ = 10.687.493 đồng.

Nay bà Trương Thị Quỳnh H và ông Hồ Hữu H tự nguyện chịu toàn bộ số tiền án phí của hai bên là 21.374.985 đồng.

Do ông Hồ Hữu H và bà Trương Thị Quỳnh H có đơn xin miễn án phí Tòa án, ông H và bà H hiện đã trên 60 tuổi (ông H sinh năm 1947, bà H sinh năm 1955) là đối tượng người cao tuổi. Căn cứ Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông H, bà H thuộc đối tượng được miễn án phí, lệ phí Tòa án nên ông H, bà H không phải chịu án phí đối với phần ông H, bà H phải chịu (là 10.687.493 đồng).

Đối với phần án phí ông H, bà H tự nguyện chịu thay cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam thì không được miễn nên ông H, bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.687.493 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam số tiền tạm ứng án phí 20.726.554 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000903 ngày 27/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H;
- Chi cục Thi hành án Dân sự Thành phố H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Tú Loan

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).